



# PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/10

## Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

### Phần 1. Nhận dạng hoá chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

#### 1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)
Số Danh Mục	NCM0002, HP016, 7100

#### 1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hoá chất phòng thí nghiệm; [PROC15] Dùng làm thuốc thử trong phòng thí nghiệm;
Hình thù	Chỉ dành cho phòng thí nghiệm. Chỉ sử dụng trong ống nghiệm.

#### 1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

#### 1.4 Điện thoại khẩn cấp

	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

#### Thông tin khác

	Sản xuất bởi: Neogen Corporation 740 East Shawwassee Lansing, MI 48912 U.S.A.  Neogen Corporation 1 Quest Park-Moss Hall Road Heywood Lancashire BL97JJ UK.
--	--

### Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

#### 2.1 Sự phân loại hoá chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
------------------------------------	---------------------------------

#### 2.2 Các yếu tố nhãn

# Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

## 2.2 Các yếu tố nhân

Cảnh báo nguy hiểm	Không có mối nguy hiểm đáng kể
--------------------	--------------------------------

## 2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Chứa các tài liệu có thể có hại nếu nuốt phải. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
-----------------------------	--

## Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

### 3.2 Hỗn hợp

#### EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	REACH Số Đăng ký	Nồng độ %	Phân loại
Sodium Hydrogen Sulphite		7631-90-5	231-548-0		0 - 0.5%	EUH031; Acute Tox. 4: H302; Eye Dám. 1: H318;

#### Hình thè

	Không có thành phần cần phải được tiết lộ theo các quy định hiện hành. Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	---

#### Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về mối nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

## Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

### 4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sau khi hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sau khi tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không gây nôn trừ khi được trưng tẩm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yều cầu làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bảo giữ cho bất cứ điều gì vô miệng của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

### 4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sau khi hít phải:	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sau khi tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cho da.
Nếu nuốt phải:	Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn.

### 4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

## Phần 5. Các biện pháp cứu hỏa

### 5.1 Các phương tiện chữa cháy

	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.
--	--

### 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất và hỗn hợp

# Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

## 5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

Tránh hình thành bụi. Không cho phép sản phẩm không phải loãng được xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.

## 5.3 Lời khuyên dành cho lính cứu hỏa

Không hít bụi hoặc hơi. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hoá học.

## Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

### 6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Tránh hình thành bụi. Sử dụng kỹ thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

### 6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự cố tràn thềm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

### 6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.

### 6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, and 13) để biết thêm thông tin.

## Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

### 7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hoá chất

Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất kỹ xử lý, màng và phủ chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng kỹ thích hợp: quần áo bảo hộ. Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

### 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 30 ° C. Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Tránh ẩm. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

### 7.3 Sử dụng cụ thè

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

### Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

## Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

### 8.1 Các thông số kiểm soát

Không có giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp được biết đến.

### 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm



# Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

## 8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật	Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.
8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân	Sử dụng khí thích hợp: Thiết bị bảo vệ.
Bảo vệ mắt/mặt	Sử dụng khí thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.
Bảo vệ tay	Sử dụng khí thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra.
Thiết bị bảo hộ khác	Sử dụng khí thích hợp: quần áo bảo hộ. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp	Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hoá chất tẩy. Cung cấp trạm rửa mắt.

## Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.
--	---

## Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

### 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thù	Bột
Màu sắc	Be
Mùi đặc trưng	Đặc điềm
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	7.1 - 7.5
Điểm nóng chảy	Không có thông tin
Điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi/khoảng sôi	Không có thông tin
Điểm chớp cháy/điểm	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không có thông tin
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Tỷ trọng hơi tương đối	Không có thông tin
Tỷ trọng tương đối	Không có thông tin
Hệ số phân tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	Không có thông tin
Đặc tính oxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

### 9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không áp dụng được
Nhóm khí	Không áp dụng được
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

# Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

## Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

### 10.1 Khả năng phản ứng

Ổn định trong điều kiện bình thường.

### 10.2 Tính ổn định hoá học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

### 10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.

### 10.4 Các điều kiện cần tránh

Tránh tia lửa, ngọn lửa, nhiệt và nguồn đánh lửa. Tránh xa nhiệt độ cực đoan. Tránh ẩm.

### 10.5 Các vật liệu xung khắc

Không có thông tin.

### 10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Ôxít carbon.

## Phần 11. Thông tin độc học

### 11.1 Thông tin về các ảnh hưởng độc sinh thái

<b>Ngộ độc cấp tính</b>	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các tiêu chí phần loại không được đáp ứng. Tuy nhiên, sản phẩm này có chứa (các) chất được phân loại là nguy hiểm. Đề biết thêm thông tin, xem Phần 3.
<b>Ăn mòn / kích ứng da</b>	Có thể gây kích ứng cho da.
<b>Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng</b>	Có thể gây kích ứng cho mắt.
<b>Nhạy cảm</b>	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
<b>Biến đổi tế bào gốc</b>	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
<b>Độc tính gây ung thư</b>	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoả Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Được liệt kê bởi Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) dưới dạng Chất nhóm 3: bằng chứng không hỗ trợ chất này là chất gây ung thư ở người, [Sodium bisulfite (bisulfites), CAS No. 7631-90-5 (<0.1%)]. Không có thành phần lớn hơn 0,1% được liệt kê trong chương trình độc quốc gia (NTP) báo cáo về chất gây ung thư. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
<b>Độc tính đối với sinh sản</b>	Không có tác dụng gây quái thai báo cáo.
<b>Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ</b>	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
<b>Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Nguy cơ hô hấp</b>	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
<b>Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài</b>	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

#### 11.1.2. Hỗn hợp

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

#### 11.1.3. Thông tin nguy hiểm

# Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

<b>11.1.3. Thông tin nguy hiểm</b>	
	Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.4. Thông tin độc tính</b>	
	Không có thông tin
<b>11.1.5. Nhóm sự cố</b>	
	Xem Phần (2 và 14) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.6. Tiêu chí phân loại</b>	
	Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.
<b>11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm</b>	
	Sau khi tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sau khi hít phải. Nếu nuốt phải.
<b>11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính</b>	
	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và gây lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn</b>	
	Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.10. Hiệu ứng tương tác</b>	
	Không có thông tin.
<b>11.1.11. Thiệu dữ liệu cụ thể</b>	
	<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.
<b>11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất</b>	
	Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.
<b>11.1.13. Thông tin khác</b>	
	Không có thông tin.
<b>Phần 12. Thông tin sinh thái học</b>	
<b>12.1 Độc tính</b>	
	Không có thông tin
<b>12.2 Tính bền vững và phân hủy</b>	
	Không có thông tin.
<b>12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học</b>	
	Không có thông tin.
<b>12.4 Tính biến đổi trong đất</b>	
	Không có thông tin.
<b>12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB</b>	
	Không có thông tin.
<b>12.6 Các ảnh hưởng có hại khác</b>	
	Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho các chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.
<b>Thông tin khác</b>	
	Tránh xa hồ, ao, hoặc suối.

# Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

## Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

### 13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Vứt bỏ cẩn thận tất cả quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

#### Phương pháp xử lý

Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ cẩn thận tất cả quy định của địa phương và quốc gia.

#### Xử lý bảo bì

Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này.  
Lưu trữ trong hộp kín bản đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.

#### Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

## Phần 14. Thông tin vận chuyển

### 14.1 Số UN

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

### 14.2 Tên vận chuyển thích hợp

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

### 14.3 Hạng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

### 14.4 Nhóm đóng gói

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

### 14.5 môi trường độc hại

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

### 14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

### 14.7 Vận chuyển khối lượng lớn theo như Phụ lục II của MARPOL 73/78 và luật IBC

Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.

## Phần 15. Thông tin pháp luật

### 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

<b>Quy định</b>	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
<b>Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:</b>	<p>- Quốc tế--.</p> <p>Công ước Basel (Chất thải nguy hại): Không áp dụng được.</p> <p>Công ước vũ khí hóa học (OPCW): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Khí nhà kính Nghị định thư Kyoto: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Thỏa thuận Mercosur: Áp dụng.</p> <p>Nghị định thư Montréal: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Công ước Rotterdam: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Công ước Stockholm: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được</p>

# Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản

2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

công bố.

--Ásìã và các quốc gia ASEAN--.

Danh mục hóa chất độc hại (Trung Quốc): [2455, Sodium hydrogen sulfite (bisulfites), CAS No. 7631-90-5 (<0.1%)], [1480, Zinc chloride, 7646-85-7 (<0.1%)].

Quy định của Bộ trưởng Bộ Thương mại Cộng hòa Indonesia, Số 75, Năm 2014, về Sửa đổi thứ hai của Bộ trưởng Bộ Thương mại, Số 44, Năm 2009, về Củng cố, Phần phối và Kiểm soát các Chất độc hại: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh kiểm soát ô nhiễm không khí (Nhật bản): Chất độc hại / Hóa chất ưu tiên, [Zinc chloride (zinc compounds), 7646-85-7 (<0.1%)].

Lệnh kiểm soát các chất hóa học (Nhật Bản): Phát hành môi trường loại I, [Zinc chloride (zinc compounds), 7646-85-7 (<0.1%)].

Đạo luật về an toàn và sức khỏe công nghiệp, các chất nguy hiểm (Nhật Bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Đạo luật về chất độc và độc hại (Nhật Bản): Tuyệt vời, [Zinc chloride (zinc compounds), 7646-85-7 (<0.1%)].

Đạo luật đối phó ô nhiễm đất (Nhật bản): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh kiểm soát ô nhiễm nước (Nhật bản): Chất chỉ định, [Zinc chloride (zinc compounds), 7646-85-7 (<0.1%)].

Các chất hóa học được phép (Hàn Quốc): Chất kiểm soát ưu tiên, [97-1-91, Zinc chloride (zinc compounds), 7646-85-7 (<0.1%)].

Các chất bị hạn chế hoặc bị cấm (Hàn Quốc): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Sử dụng và các tiêu chuẩn tiếp xúc với hóa chất có hại cho sức khỏe (USECHH), Quy định 2000 (Malaysia): Lịch trình tiếp xúc I, [Sodium bisulfite (bisulfites), CAS No. 7631-90-5 (<0.1%)], [Zinc chloride (zinc compounds), 7646-85-7 (<0.1%)].

Kiểm kê hóa chất và hóa chất của Philippines (PICCS): Các chất độc hại và Đạo luật kiểm soát chất thải hạt nhân nguy hiểm và hạt nhân (RA6969):, Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

Đạo luật kiểm soát các chất hóa học và chất độc có liên quan đến Đài Loan (TCCSCA): Chất độc hại, [1/105, Zinc chloride (zinc compounds), 7646-85-7 (<0.1%)].

Đạo luật về các chất độc hại (Thái Lan): Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.

Lệnh Hóa chất (Việt Nam): Nghị định 113/2017/NĐ-CP: danh sách hóa chất đối với sản xuất và kinh doanh công nghiệp có điều kiện, Nghị định 113/2017/NĐ-CP: danh sách hóa chất phải khai báo bắt buộc, [Zinc chloride (zinc compounds), 7646-85-7 (<0.1%)].

--Úc và New Zealand--.

Mã hàng nguy hiểm của Úc: Không áp dụng được.

Kiểm kê các chất hóa học (AICS) của Úc: Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

Tồn kho hóa chất New Zealand (NZIoC): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.

- Liên minh châu Âu (EU) và Vương quốc Anh (Anh) -.

Danh sách ủy quyền (Phụ lục XIV của REACH): Tài liệu này không chứa các thành phần báo cáo. Phụ lục XVII cho REACH: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố, Không hạn chế.

Điều 95 của Quy định về Sản phẩm Biocidal (BPR): Không áp dụng được.

--Bắc Mỹ--.



# Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

## 15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

	<p>Danh sách các chất trong nước / ngoài nước (DSL / NDSL): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn., Không hạn chế.</p> <p>Đạo luật kiểm soát các chất độc hại (TSCA): Tất cả các thành phần được liệt kê hoặc miễn.</p> <p>Danh sách các chất độc hại cần biết của Massachusetts: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Đạo luật Quyền được biết của Công nhân và Cộng đồng New Jersey: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Quyền được biết của Pennsylvania: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Lệnh pháp về quyền được biết của Rhode Island: Sản phẩm này không chứa các chất độc hại tại hoặc trên mức báo cáo được công bố.</p> <p>Dự luật 65 của California: Sản phẩm này không chứa chất reportable tại &gt; 0,0001% nồng độ.</p>
--	--

## Phần 16. Các thông tin khác

### Các thông tin khác

Phiên bản	<p>Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau:.</p> <p>1 - Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo.</p> <p>2 - Các dấu hiệu nguy hiểm khác.</p> <p>7 - 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bảo gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào.</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Điểm chớp cháy/điểm sôi).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Nhiệt độ tự bốc cháy).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Đặc tính cháy nổ).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Đặc tính oxy hoá).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Áp suất hoá hơi).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Độ nhớt, động lực).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Tỷ trọng hơi tương đối).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Độ hòa tan chất béo).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Tính tan trong nước).</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Ngưỡng mùi).</p> <p>9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Sức căng bề mặt).</p> <p>10 - 10.4 Các điều kiện cần tránh.</p> <p>11 - Ngộ độc cấp tính.</p> <p>11 - Độc tính gây ung thư.</p> <p>15 - Danh mục hoá chất / Danh sách phải biết:.</p>
Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn	<p>ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).</p> <p>CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học.</p> <p>LÓP: Bảng phân loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hoá chất độc hại 2013 (Mã-lây-si-á).</p> <p>FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hoa Kỳ.</p> <p>GHS: Hệ thống hài hòa toàn cầu.</p> <p>HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012).</p> <p>IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.</p> <p>ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.</p> <p>IMDG: Hàng hoá nguy hiểm hàng hải quốc tế.</p> <p>LD: Liệu gây tử vong.</p> <p>OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.</p> <p>OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ.</p> <p>PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.</p> <p>REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoá chất.</p>

## Tryptic Soy Agar (Soybean-Casein Digest Agar)

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2020-10-23

## Các thông tin khác

<p><b>Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.</b></p>	<p>STOT: Độc tính của cơ quan đích cụ thể.  SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.  DOT Hoá Kỳ: Bộ Giáo dục và Đào tạo Hoá Kỳ.  VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.  WEL: Giới hạn tiếp xúc nơi làm việc.</p> <hr/> <p>EUH031 - Tiếp xúc với axit giải phóng khí độc.  Acute Tox. 4: H302 - Có hại nếu nuốt.  Eye Dám. 1: H318 - Gây thiệt hại mắt nghiêm trọng.</p>
---	--

## Thông tin khác

	<p><b>TUYÊN BỐ TỪ CHỐI:</b> Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích dự nhất của họ, trước khi sử dụng.</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, <b>KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, REX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY</b> được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.</p>
--	--